

Số: 152/KH - UBND

Hương Khê, ngày 23 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn huyện Hương Khê đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 24/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030; Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê xây dựng Kế hoạch thực hiện phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm, thủy sản trên địa bàn huyện đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tiến đến cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy, khuyến khích đầu tư, nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ các nông sản, đặc biệt là sản phẩm chủ lực, nhằm phát huy lợi thế của huyện, tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cơ giới hoá nông nghiệp

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Khâu làm đất: Cây lúa, cây trồng cạn đạt 100% vào năm 2025; cây dài ngày đạt trên 60% năm 2025 và trên 80% vào năm 2030.

- Khâu gieo trồng: Đạt 10 - 20% vào năm 2030.

- Khâu chăm sóc: Cây lúa đạt 20%, cây trồng cạn, rau các loại đạt 5%, cây dài ngày đạt trên 10% vào năm 2025 và cây lúa đạt 50%, cây trồng cạn, rau các loại đạt 20%, cây dài ngày đạt trên 50% vào năm 2030.

- Khâu thu hoạch: Cây lúa đạt 70% diện tích sản xuất thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

b) Chăn nuôi: Cơ giới hoá chăn nuôi trang trại tập trung đạt trên 60% vào năm 2025 và đạt trên 80% vào năm 2030; đối với chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ đạt từ 25% vào năm 2025 và đạt trên 45% vào năm 2030.

c) Lâm nghiệp: Tại các vùng trồng rừng tập trung, quy mô lớn cơ giới các khâu xử lý thực bì, chăm sóc, chữa cháy rừng, khai thác, vận xuất, vận chuyển lâm sản đạt trên 20% năm 2025 và trên 60% năm 2030; các vùng rừng sản xuất còn lại, tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hoá khâu làm đất, trồng, chăm sóc, chữa cháy rừng và phát triển rừng đạt 20-30% năm 2030.

2.2. Chế biến, bảo quản nông sản

- Số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương tăng 5%/năm;
- Trên 60% số cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ và năng lực công nghệ trung bình trở lên;
- Tồn thất sau thu hoạch các nông sản chủ lực giảm từ 0,5% đến 1,0%/năm.

III. NHIỆM VỤ

1. Cơ giới hóa trong sản xuất

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Đối với cây lúa, cây trồng cạn: Cơ giới hóa trong khâu làm đất, gieo trồng và máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao trong thu hoạch lúa.

- Sản xuất rau các loại: Cơ giới hóa trong các khâu làm đất, gieo hạt; tưới tiết kiệm, tự động kết hợp cung cấp dinh dưỡng; từng bước cơ giới hóa trong khâu thu hoạch.

- Đối với cây dài ngày: Cơ giới hóa trong các khâu làm đất, chăm sóc; tưới tự động kết hợp cung cấp dinh dưỡng.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

- Cơ giới hóa sản xuất, chế biến thức ăn (gia súc, gia cầm): Sử dụng máy cắt, băm, nghiền, xay xát, trộn thức ăn tự động, máy ép viên thức ăn chăn nuôi; ứng dụng thiết bị, công nghệ cung cấp thức ăn, nước uống tự động.

- Sử dụng thống hầm Biogas ở các trang trại chăn nuôi có quy mô lớn, quy mô vừa, đối với trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ sử dụng hệ thống hầm Biogas, chế phẩm sinh học để xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tận dụng chất thải chăn nuôi cho trồng trọt.

- Áp dụng máy, thiết bị cho chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, có kỹ thuật và công nghệ phù hợp để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường vừa bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm vừa tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

c) Lĩnh vực lâm nghiệp: Cơ giới hoá các khâu xử lý thực bì, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, chữa cháy rừng, khai thác, vận xuất, vận chuyển lâm sản.

2. Cơ giới hóa trong chế biến, bảo quản nông sản

a) Ưu tiên hỗ trợ sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến nông sản để đa dạng hóa sản phẩm chế biến, giảm tồn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh, kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b) Đầu tư mới và mở rộng cơ sở chế biến, bảo quản đảm bảo đủ năng lực chế biến, bảo quản đối với những ngành hàng chủ lực, gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

c) Ưu tiên kêu gọi đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào nhà máy chế biến chè, chế biến sản phẩm chăn nuôi (gia súc, gia cầm), chế biến một số loại quả... là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của huyện.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, thực hiện chuyên mục giới thiệu về kết quả chuyển giao, lợi ích và hiệu quả mô hình sản xuất ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp; thông tin, phổ biến các loại máy, thiết bị phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện sản xuất của huyện cũng như từng đối tượng cây, con để người sản xuất tiếp cận, tìm hiểu, từ đó chủ động lựa chọn đầu tư áp dụng.

- Thông tin rộng rãi, bằng nhiều hình thức về chính sách hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ dân trên địa bàn huyện.

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao máy, thiết bị cơ giới hóa; hội thảo, tham quan mô hình ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp hiệu quả.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản đáp ứng yêu cầu; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện; đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cung ứng, kết nối nông sản; chủ động giải pháp thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển sản phẩm chủ lực cấp huyện (lúa, ngô, chè, cam, bưởi, gỗ nguyên liệu rừng trồng ...) và đặc sản của địa phương được cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với lợi thế của từng vùng trên địa bàn huyện, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ.

- Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với thực tiễn, theo hướng nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác với nông dân, đẩy mạnh tập trung, tích tụ ruộng đất; tăng quy mô diện tích trên thửa đất, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản. Tạo điều kiện phát triển các tổ chức hợp tác, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh và phát triển các mô hình hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò là “trụ cột” của chuỗi giá trị.

- Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; chú trọng kêu gọi các doanh nghiệp chế biến, bảo quản có đủ năng lực về vốn, công nghệ và thị trường tiêu thụ đầu tư, xây dựng nhà máy trên địa bàn huyện để dẫn dắt chuỗi giá trị nông sản vận hành thông suốt, hiệu quả.

3. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình đầu tư mua sắm máy, thiết bị mới để hiện đại hóa trong quá trình sản xuất từ

khâu làm đất đến chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản vào sản xuất.

4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Chú trọng công tác đào tạo nghề cơ khí, vận hành, sửa chữa máy, thiết bị trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho nông dân, kỹ thuật sơ chế, bảo quản nhất là hình thức tập huấn ngắn hạn, tại chỗ thông qua công tác khuyến công, các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong vận hành máy, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản.

- Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề cho nông dân, khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại; tổ chức hợp tác liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ. Đào tạo theo nhu cầu của các doanh nghiệp nông nghiệp.

- Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường,...

5. Tiếp tục thực hiện và rà soát sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách

- Đẩy mạnh thực hiện tốt các Nghị định của Chính phủ: số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo và các chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất, hỗ trợ lãi suất,... theo quy định tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đề hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, cơ giới hoá đồng bộ, kết nối được với chế biến phù hợp với từng vùng, từng ngành.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước; kinh phí từ các chương trình Mục tiêu Quốc gia; vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và khả năng cân đối nguồn lực hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện theo quy định đề tổ chức triển khai kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu triển khai các chương trình, đề án, dự án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm, 5 năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, rà soát và tham mưu triển khai thực hiện các chính sách và ban hành các văn bản quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản trên địa bàn huyện.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06 - NQ/TU ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tập trung, tạo điều kiện ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản.

- Thực hiện quản lý môi trường tại các doanh nghiệp chế biến nông sản cũng như các khu vực chế biến nông sản tập trung.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Chủ trì, phối hợp phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí sự nghiệp đảm bảo khả năng cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách, chương trình, đề án thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng: Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí nông nghiệp và sản phẩm chế biến nông sản; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong đầu tư máy, thiết bị mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản, cung cấp về thông tin giá cả thị trường; triển khai thực hiện các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và năng lực quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản.

6. Trung tâm UDKHKT&BVCT, VN huyện: Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư xây dựng và thực hiện các mô

hình chuyên gia khoa học công nghệ liên quan đến phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Chỉ đạo, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của kế hoạch trên địa bàn; thực hiện lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đẩy mạnh triển khai chính sách hỗ trợ tích tụ ruộng đất theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; huy động, bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Kế hoạch.

8. Chế độ thông tin và báo cáo: Các phòng, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, định kỳ hàng năm trước **ngày 15/11** báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Yêu cầu Trưởng các phòng, ngành, đơn vị nêu trên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm UDCHKKT&BVCT, VN huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, Phó VP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Kỳ